

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 72/2023/KDTMST

Ngày: 25/9/2023

Về việc: “**Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá**”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Đạt.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Từ Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 31/2023/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc “**Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2023/QĐXX-ST ngày 31/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2023/QĐST-KDTM ngày 15/9/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty TNHH MTV Tổng Công ty sản xuất thiết bị V (VMC)

Trụ sở: Thôn A, xã A, huyện H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế N - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Quang P - Nhân viên Công ty - Có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị đơn:*** Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật V (TST)

Trụ sở: Số 4A, 4B, 4C phố V, phường K, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H - Chức vụ: Tổng Giám đốc - Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/03/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty sản xuất thiết bị V do ông Nguyễn Quang P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tháng 1 và tháng 3 năm 2021, Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật V (TST) (viết tắt là Công ty TST) đã ký với Công ty TNHH MTV Thông tin M (viết tắt là Công ty M), nay là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty sản xuất thiết bị V (VMC) 04 hợp đồng mua bán hoá với nội dung Công ty M cung cấp cho công ty TST các phụ kiện viễn thông như: Biển báo hiệu cáp quang, biển báo độ cao treo cáp quang qua đường, bộ treo cáp, bộ bèo cáp, phụ kiện cáp treo dự phòng....v.v phục vụ cho các dự án của Công ty TST. Cụ thể gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng mua bán số 01/M3-TST/2021 ký ngày 04/01/2021 với giá trị hợp đồng là 1.593.039.384 đồng

- Hợp đồng mua bán số 02/M3-TST/2021 ký ngày 04/01/2021 với giá trị hợp đồng 758.917.420 đồng

- Hợp đồng mua bán số 04/M3-TST/2021 ký ngày 04/01/2021 với giá trị hợp đồng 909.295.134 đồng.

- Hợp đồng mua bán số 05/M3-TST/2021 ký ngày 07/01/2021 với giá trị hợp đồng 852.633.536 đồng.

Tổng giá trị 04 hợp đồng là 4.113.885.474 đồng

Theo thoả thuận trong hợp đồng, bên bán có nghĩa vụ bàn giao hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng với điều kiện bên mua hoàn tất nghĩa vụ thanh toán theo quy định của hợp đồng. Tại điều 5 của hợp đồng quy định: bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán 100% giá trị hợp đồng trước khi hàng ra khỏi kho bên bán.

Thực hiện các hợp đồng mua bán đã ký, Công ty M đã bàn giao đầy đủ hàng hoá theo đúng số lượng, chất lượng, quy cách, mẫu mã quy định trong hợp đồng mua bán cho bên mua là Công ty TST vào ngày 31/03/2021. Khi giao nhận hàng hoá, các bên có lập “Biên bản bàn giao hàng hoá tổng thể” theo từng hợp đồng, có ký nhận của người đại diện hợp pháp của bên giao, bên nhận.

Cùng ngày, Công ty M đã xuất 04 hoá đơn giá trị gia tăng đối với giá trị hàng hoá đã giao cho Công ty TST theo các hợp đồng mua bán trên. Bên mua là Công ty TST đã nhận đầy đủ hoá đơn do bên bán xuất nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận. Cụ thể, ngày 02/07/2021, Công ty TST mới thanh toán cho Công ty M số tiền 581.844.540 đồng vào giá trị của Hợp đồng mua bán số 01 ngày 04/01/2021 (Giấy báo có của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây thể hiện số tiền thanh toán là 700.000.000 đồng nhưng gồm 118.155.460 đồng thanh toán cho giao dịch mua bán hàng hoá khác,

không liên quan đến 04 hợp đồng ngày 04/01/2021). Các hợp đồng mua bán số 02, 04, 05, Công ty TST chưa thanh toán cho Công ty M đồng nào.

Như vậy, tính đến ngày 31/03/2021, Công ty TST còn nợ Công ty M toàn bộ giá trị 04 hợp đồng là 4.113.885.474 đồng

Ngày 02/12/2021, Công ty M đã gửi Công văn số 212/M3-KD yêu cầu Công ty TST hoàn thành việc thanh toán giá trị các Hợp đồng trên.

Ngày 05/01/2022, Công ty TST có công văn số 09/KTTKTC cam kết thanh toán các hợp đồng thành nhiều đợt. Thời hạn trả nợ từ tháng 10/01/2022 đến tháng 20/02/2022. Tuy vậy sau đó Công ty TST đã không thực hiện theo đúng cam kết.

Ngày 19/4/2022, Công ty M đã gửi công văn số 306/M3-KD thông báo giá trị phạt thanh toán chậm cho Công ty TST.

Ngày 21/04/2022, Công ty TST có công văn số 439/KTTKTC xin miễn phạt và cam kết thanh toán hết công nợ trước ngày 31/10/2022. Tuy nhiên, Công ty M đã có công văn phúc đáp không đồng ý kế hoạch thanh toán và đề nghị miễn lãi phạt chậm trả của Công ty TST, đồng thời đề nghị tổ chức họp trực tiếp để thương lượng, giải quyết.

Ngày 19/5/2022, hai bên tổ chức cuộc họp trực tiếp để thương lượng. Công ty TST cam kết thanh toán 200.000.000 đồng vào tháng 05/2022, số công nợ còn lại thanh toán trước ngày 31/10/2022.

Tuy nhiên, sau đó ngày 31/05/2022, Công ty TST chỉ thanh toán thêm cho Công ty M được 150.000.000 đồng, sau đó không thanh toán nữa.

Ngày 31/7/2022, hai bên đã ký thư xác nhận nợ theo đó, Công ty TST xác nhận dư nợ còn phải thanh toán cho Công ty M là 3.382.040.934 đồng.

Ngày 28/07/2022, Công ty M và Công ty TNHH Một thành viên Thông tin M1 ký Hợp đồng sáp nhập số 01/M1-M3/2022

Ngày 01/08/2022, Công ty M đã hoàn thành thủ tục sáp nhập vào Công ty TNHH Một thành viên Thông tin M1 theo Hợp đồng sáp nhập số 01/M1 - M3/2022 ngày 28/07/2022.

Ngày 07/09/2022, Công ty TNHH Một thành viên Thông tin M1 đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty sản xuất thiết bị V (VMC) và đã được phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch - Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Vì vậy, Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty sản xuất thiết bị V (VMC) trở thành người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty MTV Thông tin M, trong đó có khoản nợ của Công ty TST.

Sau khi sáp nhập, đổi tên, Công ty V đã liên lạc, trao đổi với đại diện Công ty TST yêu cầu thanh toán khoản nợ trên nhưng Công ty TST không hợp tác.

Để đảm bảo quyền lợi của mình, Công ty V phải làm đơn khởi kiện đến Toà án, yêu cầu Toà án buộc Công ty TST phải thanh toán trả Công ty V số tiền mua hàng còn nợ theo 04 hợp đồng mua bán hàng hoá trên là 3.382.040.934 đồng

Ngoài ra, Công ty V còn yêu cầu Công ty TST phải thanh toán khoản tiền lãi chậm thanh toán của số tiền trên kể từ tháng 03/2021 đến nay theo quy định tại Điều 7.6 của 04 hợp đồng mua bán đã ký. Cụ thể, trong hợp đồng, các bên có thoả thuận trong hợp đồng: *“Nếu bên A thanh toán chậm cho bên B thì bên A chịu lãi suất trả chậm trên số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán, nhưng trong mọi trường hợp số tiền lãi suất trả chậm này không vượt quá 8% giá trị hợp đồng”*.Cụ thể số tiền lãi chậm thanh toán Công ty V yêu cầu Công ty TST thanh toán là 329.110.837 đồng.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, ngày 14/09/2023, Công ty TST đã chuyển khoản thanh toán trả Công ty toàn bộ số tiền mua bán hàng hoá còn nợ theo 04 hợp đồng trên là 3.382.040.934 đồng.

Do một phần quyền lợi đã được đáp ứng nên Công ty V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện ngày 16/3/2023 đối với yêu cầu thanh toán giá trị hàng hoá còn thiếu.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 03/2021 đến khi thanh toán xong nợ gốc là 329.110.837 đồng.

Bị đơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật V (TST) đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Do sự vắng mặt của bị đơn nên Toà án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành các thủ tục tố tụng khác theo quy định của pháp luật đối với bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Công ty V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán giá trị hàng hoá theo 04 hợp đồng mua bán ngày 04/01/2021, ngày 07/01/2021 giữa Công ty M và Công ty TST là 3.382.040.934 đồng.

Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty TST phải thanh toán thanh toán khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 03/2021 đến tháng 8/2023 là 329.110.837 đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa có quan điểm:*

+ *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Điều 21, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là công ty TNHH MTV Tổng công ty sản xuất thiết bị V (VMC) đối với bị đơn là công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật V (TST) về số tiền nợ lãi trên tổng dư nợ gốc. Buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền nợ lãi trên dư nợ gốc 3.382.040.934 đồng kể từ ngày 31/3/2021 đến hết ngày 31/8/2022 số tiền là 329.110.837.92 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc.

Về án phí: Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp, về thẩm quyền: Nguyên đơn - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty sản xuất thiết bị V khởi kiện bị đơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật V có trụ sở đăng ký kinh doanh tại địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố V, phường K, quận Thanh Xuân, Hà Nội, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo các Hợp đồng mua bán số 01/M3-TST/2021, 02/M3-TST/2021, số 04/M3-TST/2021 cùng giao kết ngày 04/01/2021 và Hợp đồng mua bán số 05/M3-TST/2021 ngày 07/01/2021 được giao kết giữa các bên nhằm mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

[1.2]. Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền mua hàng còn thiếu theo 04 hợp đồng mua bán ngày 04/01/2021, ngày 07/01/2021 là 3.382.040.934 đồng và khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 329.110.837 đồng. Ngày 20/09/2023 và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối yêu cầu

thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 3.382.040.934 đồng do trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã thanh toán trả nguyên đơn toàn bộ số tiền này. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu đã rút.

[1.3]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật

[2] Về nội dung:

Ngày 04/01/2021 và ngày 07/01/2021, Công ty Công ty TNHH MTV Thông tin M (gọi tắt là Công ty M) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật V (gọi tắt là Công ty TST) giao kết các Hợp đồng mua bán số 01/M3-TST/2021, 02/M3-TST/2021, 04/M3-TST/2021, 05/M3-TST/2021 nhằm mục đích xác lập giao dịch mua bán hàng hóa là các phụ kiện viễn thông phục vụ cho dự án của Công ty TST. Xét nội dung và hình thức hợp đồng đã giao kết, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức, nội dung hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 24 Luật thương mại năm 2005 nên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty TST vi phạm thỏa thuận về thời hạn thanh toán giá trị hàng hóa đối với Công ty M nên Công ty TNHH MTV Tổng Công ty sản xuất thiết bị V (Công ty V) - pháp nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty M khởi kiện, yêu cầu Công ty TST thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Căn cứ Điều 50 Luật thương mại năm 2005, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, ngày 14/09/2023, Công ty TST đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán giá trị hàng hóa còn thiếu đối với Công ty V, Công ty V rút yêu cầu khởi kiện đối với phần nghĩa vụ Công ty TST đã thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

Xét yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Theo các Hợp đồng mua bán số 01/M3-TST/2021, 02/M3-TST/2021, 04/M3-TST/2021, 05/M3-TST/2021 ngày 4/01/2021 và ngày 07/01/2021, các bên có thỏa thuận: “*Bên bán có nghĩa vụ bàn giao hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng với điều kiện bên mua hoàn tất nghĩa vụ*

thanh toán theo quy định của hợp đồng” và “bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán 100% giá trị hợp đồng trước khi hàng ra khỏi kho bên bán”.

Ngày 29/01/2021 và ngày 31/03/2021, bên bán là Công ty M đã bàn giao đầy đủ hàng hóa cho Công ty TST theo 04 “Biên bản bàn giao hàng hóa tổng thể” được lập bởi hai bên.

Như vậy, Công ty M đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với bên mua hàng và theo thỏa thuận, bên mua hàng có nghĩa vụ thanh toán giá trị hàng hóa đã nhận vào ngày 29/01/2021 và ngày 31/03/2021 nhưng Công ty TST không thực hiện đầy đủ. Theo tài liệu “Giấy báo có” của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây do nguyên đơn xuất trình, ngày 02/07/2021, bên mua mới thanh toán số tiền 700.000.000 đồng cho bên bán nhưng trong đó, thanh toán cho giá trị hợp đồng số 01/M3-TST/2021 là 581.844.540 đồng, còn các hợp đồng khác chưa thanh toán.

Tại văn bản số 439/KTTKTC ngày 21/04/2022, là thời điểm hơn một năm sau thời hạn phải thanh toán, Công ty TST xác nhận còn nợ Công ty M số tiền 3.532.040.934 đồng và cam kết thanh toán trước ngày 31/10/2022 nhưng sau đó chỉ thanh toán thêm cho Công ty M số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 31/05/2022

Ngày 31/07/2022, hai bên ký “Thư xác nhận” theo đó, Công ty TST xác nhận số tiền còn phải thanh toán cho Công ty M là 3.382.040.934 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 14/09/2023 (là thời điểm Công ty TST thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền hàng), Công ty TST đã vi phạm thời hạn thanh toán tương ứng với thời gian 02 năm 06 tháng 14 ngày. Lẽ ra, Công ty TST phải chịu số tiền lãi do chậm thanh toán tính đến thời điểm này nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi đến hết ngày 31/08/2023. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005, lãi suất chậm thanh toán tiền hàng áp dụng theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Theo hướng dẫn tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn của ít nhất 03 Ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Theo cung cấp của các Ngân hàng trên, mức lãi suất cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh thông thường ngắn hạn thời hạn trên 6 tháng tại thời điểm tháng 9/2023 (thời điểm thanh toán của Công ty TST) tối thiểu là 5 - 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, tức là 7,5 % đến 10,5%/năm, lãi suất quá hạn trung bình là 9%/năm

Tuy nhiên, trong các hợp đồng mua bán hàng hoá, các bên thỏa thuận: “*Nếu bên A thanh toán chậm cho bên B thì bên A chịu lãi suất trả chậm trên số tiền*

chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán, nhưng trong mọi trường hợp số tiền lãi suất trả chậm này không vượt quá 8% giá trị hợp đồng.”

Tổng giá trị 04 hợp đồng mua bán hàng hoá các bên giao kết ngày 04/01/2021 và 07/01/2021 là 4.113.885.474 đồng, 8% tổng giá trị 04 hợp đồng là 329.110.837 đồng,

Nếu áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật thì tổng số tiền lãi do chậm thanh toán của 04 hợp đồng Công ty TST phải chịu là 762.669.384 đồng (4.113.885.474 đồng x 9%/năm x 03 tháng 02 ngày + 3.532.040.934 đồng x 9%/năm x 10 tháng 28 ngày + 3.382.040.934 đồng x 9%/năm x 01 năm 03 tháng = 762.669.384 đồng) nhưng các bên đã có thoả thuận trong mọi trường hợp số tiền lãi trả chậm không vượt quá 8% giá trị hợp đồng và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả là 329.110.837 đồng, bằng 8% tổng giá trị 04 hợp đồng. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với thoả thuận của các bên, không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn có nghĩa vụ thực hiện.

[3]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án và điểm b Mục 1.4 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị Quyết, Công ty TST phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 329.110.837 đồng x 5% = 16.445.541 đồng

Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 53.111.517 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008976 ngày 15/06/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 11, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án và điểm b Mục 1.4 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết

Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty sản xuất thiết bị V về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị hàng hóa còn thiếu là 3.382.040.934 đồng.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty sản xuất thiết bị V đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật V về việc yêu cầu thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị hàng hóa theo các hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 04/01/2021 và ngày 07/01/2021

Buộc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật V phải thanh toán trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty sản xuất thiết bị V tổng số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo các Hợp đồng mua bán số 01/M3-TST/2021 ngày 04/01/2021, Hợp đồng mua bán số 02/M3-TST/2021 ngày 04/01/2021, Hợp đồng mua bán số 04/M3-TST/2021 ngày 04/01/2021, Hợp đồng mua bán số 05/M3-TST/2021 ngày 07/01/2021 từ ngày 31/03/2021 đến hết tháng 8/2023 là 329.110.837 đồng (*ba trăm hai mươi chín triệu một trăm mười ngàn tám trăm ba mươi bảy đồng*)

[3]. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật V phải chịu 16.445.541 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty sản xuất thiết bị V số tiền tạm ứng án phí 53.111.517 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008976 ngày 15/06/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Thanh Xuân
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS Q. Thanh Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Diệu Thúy